

Số: 85 /2016/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 21 tháng 12 năm 2016

SỞ TƯ PHÁP

QUYẾT ĐỊNH

Số: 251

Ngày: 19/01/17

Chuyên:

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Phụ lục số 01 tại Khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung thành Phụ lục số 01 đính kèm Quyết định này.

2. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Đăng ký giá

1. Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với mặt hàng cụ thể thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá bắt đầu từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp đăng ký giá có hiệu lực và trước khi định giá, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ bằng việc lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp thực hiện đăng ký giá gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì đăng ký giá bán buôn;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì đăng ký cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến;

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì đăng ký giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện đăng ký giá bán lẻ;

đ) Việc đăng ký giá bán đối với mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mặt hàng muối ăn, thóc, gạo tẻ thường (không bao gồm nông dân và diêm dân) thực hiện. Trường hợp tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh mua trực tiếp muối ăn của diêm dân; thóc, gạo tẻ thường của nông dân thì phải đăng ký giá mua muối ăn của diêm dân; giá mua thóc, gạo tẻ thường của nông dân.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá:

Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách Thông báo thực hiện đăng ký giá tại Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, UBND cấp huyện sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc cung cấp thông tin đó.

3. Biểu mẫu đăng ký giá:

Biểu mẫu đăng ký giá thực hiện theo Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan chủ trì tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá:

a) Ở cấp tỉnh:

- Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 8 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm 11 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Y tế (sở quản lý ngành) chủ trì tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này của các tổ chức sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả các chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá ở Trung ương (Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Y tế), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá của các Bộ quản lý ngành theo thẩm quyền và được UBND tỉnh thông báo cụ thể danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký giá; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

b) Ở cấp huyện:

- UBND cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này của các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể (bao gồm cả đại lý của cá nhân có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn do mình quản lý.

- UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo Sở Tài chính quyết định và thông báo cụ thể danh sách các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể đóng trên địa bàn của địa phương thực hiện đăng ký giá; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Cá nhân, hộ kinh doanh cá thể là đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải đăng ký giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi UBND cấp huyện nơi đại lý đặt trụ sở chính về việc đại lý tại đây không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; chủ động cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho UBND cấp huyện sau

khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của việc cung cấp thông tin đó.

5. Cách thức thực hiện đăng ký giá:

a) Đối với cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá chưa triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với lĩnh vực đăng ký giá:

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá đã thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với lĩnh vực đăng ký giá:

Tổ chức, cá nhân thực hiện lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận Biểu mẫu theo hình thức Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (tại website: <http://dichvucong.binhding.gov.vn>).

c) Cách thức thực hiện đăng ký giá đối với mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế; đối với mặt hàng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận trong việc thực hiện đăng ký giá

a) Có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra thành phần, số lượng của Biểu mẫu; đóng dấu đến và ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản, biểu mẫu; rà soát nội dung đăng ký giá. Trường hợp các biểu mẫu được lập không đủ thành phần, số lượng theo quy định của Bộ Tài chính thì chậm nhất sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biểu mẫu, các sở quản lý ngành, UBND cấp huyện phải có văn bản chuyển trả Biểu mẫu để tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoàn thiện Biểu mẫu. Trường hợp trong Biểu mẫu đăng ký giá có yếu tố hình thành giá không hợp lý thì các sở quản lý ngành, UBND cấp huyện thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giải trình mức giá đăng ký và thực hiện đăng ký lại.

Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Biểu mẫu quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều này, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

b) Được sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân đăng ký vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết;

c) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;



d) Có trách nhiệm bảo mật đối với Biểu mẫu đăng ký giá, bản thuyết minh cơ cấu hình thành giá; bảo mật mức giá đăng ký của tổ chức, cá nhân trong thời gian mức giá đăng ký chưa có hiệu lực thực hiện.

7. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá.

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

8. Thời hạn áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với từng mặt hàng tối đa không quá 06 tháng.

9. Hàng hóa, dịch vụ khác mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.”

3. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Hàng hóa, dịch vụ do UBND tỉnh quyết định giá

1. Hàng hóa, dịch vụ sau đây thuộc quyền quyết định giá của UBND tỉnh:

- a) Giá các loại đất;
- b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;
- d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;
- đ) Giá nước sạch sinh hoạt;
- e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;
- g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;
- h) Giá cụ thể đối với: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- i) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn

vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

k) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

l) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

m) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Việc định giá đối với các tài sản thuộc sở hữu nhà nước hoặc tài sản xác lập quyền sở hữu của Nhà nước có quy định riêng thì áp dụng theo quy định đó, không áp dụng theo Quy định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11:

“ Điều 11. Thẩm quyền quyết định giá và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan trong việc lập, thẩm định, trình phê duyệt phương án giá, quy định các loại giá

“1. Đối với quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương do HĐND tỉnh quy định:

a) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định, trình UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh xem xét, ban hành.

b) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế): Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng, gửi Sở Tư pháp thẩm định, trình UBND tỉnh để báo cáo HĐND tỉnh xem xét, ban hành.”

2. UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án giá, quy định các loại giá trên cơ sở báo cáo đề xuất của các sở, ban, ngành, địa phương:

a) Bảng giá đất do UBND tỉnh quyết định:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng dự thảo Bảng giá đất gửi Hội đồng thẩm định bảng giá đất của tỉnh (Sở Tài chính là cơ quan thường trực Hội đồng) thẩm định, ban hành văn bản thẩm định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh thông qua HĐND tỉnh trước khi ban hành.



b) Mức thu tiền sử dụng khu vực biển đối với hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh lấy ý kiến Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua trước khi ban hành.

c) Giá đất cụ thể đối với các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, khoản 4 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án giá, gửi Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh (Sở Tài chính làm thường trực Hội đồng) thẩm định, ban hành văn bản thẩm định gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

d) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan xây dựng phương án giá rừng, giá cho thuê các loại rừng; gửi Sở Tài chính để thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành theo quy định.

đ) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật nhà ở:

Sở Xây dựng căn cứ quy định hiện hành, xây dựng phương án giá, gửi Hội đồng thẩm định giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội và xác định khung giá dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư trên địa bàn tỉnh để thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành theo quy định.

e) Giá nước sạch sinh hoạt:

- Cung cấp nước sạch tại thành phố Quy Nhơn và các thị trấn:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch có trách nhiệm xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính để chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất trước khi ban hành.

- Cung cấp nước sạch sinh hoạt cho khu dân cư nông thôn:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch xây dựng phương án giá gửi UBND cấp huyện có ý kiến thống nhất trước khi gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.



g) Giá cho thuê tài sản là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh:

Đơn vị được giao quản lý công trình kết cấu hạ tầng xây dựng phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành.

h) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng nguồn ngân sách tỉnh:

Đơn vị sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ xây dựng phương án giá, lấy ý kiến thẩm định của sở chuyên ngành về khối lượng, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật và gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành.

i) Giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá trên cơ sở danh mục sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và mức giá tối đa của Bộ Tài chính ban hành; gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành.

k) Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh ban hành.

l) Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá gửi UBND cấp huyện xem xét, có ý kiến thống nhất; gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh ban hành.

m) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá gửi UBND cấp huyện xem xét, có ý kiến thống nhất; gửi Sở Tài chính thẩm định, xây dựng giá tối đa trình UBND tỉnh ban hành.

n) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao

gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý:

Đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng phương án giá gửi UBND cấp huyện xem xét, có ý kiến thống nhất; gửi Sở Tài chính thẩm định, xây dựng khung giá và trình UBND tỉnh ban hành.

o) Giá cước vận chuyên cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyên chi từ nguồn ngân sách nhà nước:

Sở Giao thông Vận tải xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

p) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyên hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyên chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyên:

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

q) Giá cây cối, hoa màu, vật nuôi để phục vụ cho công tác bồi thường khi nhà nước thu hồi đất:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng phương án, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

r) Đơn giá nhà, vật kiến trúc, các thành phần công việc trong xây dựng để tính bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất:

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương liên quan xây dựng, gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

t) Giá các loại gỗ tịch thu, gỗ tận thu, tận dụng khai thác từ các công trình, dự án:

Cơ quan, đơn vị được giao quản lý hoặc UBND cấp huyện lập phương án gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

u) Giá tính thuế tài nguyên:

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án giá, gửi Sở Tài chính thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

ư) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành; Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng với các cơ

quan, đơn vị có liên quan, tham mưu và trình UBND tỉnh ban hành giá các loại tài sản, hàng hoá, dịch vụ mà địa phương xét thấy cần thiết phải quản lý giá.”

5. Phụ lục số 02 tại Khoản 1 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung thành Phụ lục số 02 đính kèm Quyết định này.

6. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá bằng việc gửi thông báo mức giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi định giá, điều chỉnh giá. Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản kê khai giá để thông báo mức giảm giá đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các trường hợp thực hiện kê khai giá gồm:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn;

b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

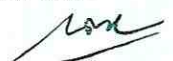
c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ dự kiến (nếu có);

d) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ hoặc giá bán lẻ dự kiến; là đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ.

2. Đối tượng thực hiện kê khai giá:

- Tổ chức, cá nhân (bao gồm cả các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách Thông báo thực hiện kê khai giá tại Trung ương, không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền và được UBND tỉnh thông báo cụ thể danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai giá.

- Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo giá do nhà cung cấp quyết định) không phải kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, UBND cấp huyện tại địa phương nơi chi nhánh, đại lý đặt trụ sở chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá; cung cấp thông tin về mức giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính, sở quản lý ngành, UBND cấp huyện sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin đó.



3. Mẫu văn bản kê khai giá và mẫu thông báo mức giá:

- Mẫu văn bản kê khai giá thực hiện theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. Trường hợp tổ chức, cá nhân có chính sách khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong văn bản kê khai giá tên đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng và mức khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu.

- Mẫu thông báo mức giá thực hiện theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

4. Cơ quan chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá:

a) Ở cấp tỉnh:

- Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, c, d, đ, e, h, i, o khoản 1 và khoản 2 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, k, m khoản 1 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Quyết định này;

- Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế (các sở quản lý ngành) chủ trì tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của các sở quản lý ngành quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này; hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy định này của các tổ chức sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả các chi nhánh, đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá ở trung ương (Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế), không có tên trong văn bản hướng dẫn riêng về việc kê khai giá của các bộ quản lý ngành theo thẩm quyền; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện đúng quy định.

b) Ở cấp huyện:

- UBND cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá; hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền tiếp nhận văn bản kê khai giá của các sở quản lý ngành quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này; hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa

phương quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy định này của các cá nhân, hộ kinh doanh cá thể (bao gồm cả đại lý của cá nhân có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá) có trụ sở chính trên địa bàn do mình quản lý.

- UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo Sở Tài chính quyết định và thông báo cụ thể danh sách các cá nhân sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn thực hiện kê khai giá; đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy định này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá quy định tại Điều 17 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá.

5. Cách thức thực hiện kê khai giá

a) Đối với cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá chưa triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với lĩnh vực kê khai giá:

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá đã thực hiện Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với lĩnh vực kê khai giá:

Tổ chức, cá nhân thực hiện lập văn bản gửi cho cơ quan tiếp nhận văn bản theo hình thức Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (tại website: <http://dichvucong.binhdingh.gov.vn>).

c) Cách thức thực hiện kê khai giá đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế; đối với cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận kê khai giá trong việc tiếp nhận văn bản

a) Có quyền sử dụng mức giá do tổ chức, cá nhân kê khai vào mục đích phân tích, tổng hợp, dự báo biến động giá cả thị trường và xây dựng cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra các yếu tố hình thành giá, công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết;

b) Có quyền rà soát nội dung văn bản kê khai giá do tổ chức, cá nhân kê khai, bao gồm rà soát về ngày thực hiện mức giá kê khai, bảng kê khai mức giá, phần giải trình lý do điều chỉnh giá; yêu cầu bằng văn bản các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá báo cáo về mức giá kê khai phù hợp với biến động của yếu tố

hình thành giá trong trường hợp cần thiết để phục vụ công tác bình ổn giá, quản lý nhà nước về giá, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật;

c) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra về thành phần, số lượng văn bản, trường hợp văn bản có đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận văn bản thực hiện đóng dấu công văn đến có ghi ngày tháng năm tiếp nhận vào văn bản và trả ngay 01 văn bản cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp hoặc chuyển ngay theo đường bưu điện 01 văn bản cho tổ chức, cá nhân đã gửi văn bản theo đường công văn, fax hoặc thư điện tử; đồng thời, chuyển ngay 01 văn bản đến lãnh đạo cơ quan, phòng, ban nghiệp vụ có thẩm quyền.

d) Cán bộ tiếp nhận kiểm tra về thành phần, số lượng văn bản, trường hợp văn bản không đủ thành phần, số lượng theo quy định, cán bộ tiếp nhận văn bản ghi rõ lý do trả lại, các nội dung cần bổ sung và trả lại ngay văn bản cho tổ chức, cá nhân đến nộp trực tiếp; hoặc tối đa không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan tiếp nhận văn bản thông báo bằng công văn, fax hoặc thư điện tử yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá nộp bổ sung thành phần, số lượng văn bản. Tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần, số lượng văn bản theo quy định và nộp lại cho cơ quan tiếp nhận văn bản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan tiếp nhận văn bản thông báo bằng văn bản qua đường công văn, fax, thư điện tử yêu cầu bổ sung đủ thành phần, số lượng văn bản. Ngày tổ chức, cá nhân nộp đủ thành phần, số lượng văn bản được tính là ngày tiếp nhận văn bản, cán bộ tiếp nhận đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm tiếp nhận vào văn bản.

đ) Trường hợp kê khai giảm giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện giảm giá ngay, đồng thời gửi văn bản đến cơ quan tiếp nhận văn bản. Cơ quan tiếp nhận văn bản kiểm tra về thành phần, số lượng văn bản theo quy định tại điểm a, b khoản 6 Điều này và yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ thành phần, số lượng văn bản theo quy định để lưu trữ đầy đủ hồ sơ kê khai giá phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quyền hạn và trách nhiệm quy định tại khoản 6 Điều này.

e) Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về tiếp nhận văn bản quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính;

g) Có trách nhiệm bảo mật mức giá kê khai của tổ chức, cá nhân trong thời gian mức giá kê khai chưa có hiệu lực thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

8. Đối với các hàng hóa, dịch vụ mà Nhà nước có quy định riêng về kê khai giá thì áp dụng theo quy định đó.”



7. Tiết c Khoản 2, Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, UBND cấp huyện theo phân công của UBND tỉnh, có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.”

8. Khoản 3 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Đối với các sở quản lý ngành (như Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Y tế...) và UBND cấp huyện:

a) Có trách nhiệm đề nghị quy định ban hành, sửa đổi, bổ sung hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá thuộc thẩm quyền quy định của UBND tỉnh trong từng thời kỳ (ngoài danh mục Trung ương quy định và văn bản hướng dẫn riêng về việc đăng ký giá, kê khai giá của Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền).

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá theo quy định; đồng thời các sở quản lý ngành và UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định.

c) Có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính thực hiện hiệp thương giá, kiểm tra yếu tố hình thành giá, định giá theo đúng quy định pháp luật.

d) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hằng năm hoặc theo yêu cầu của UBND tỉnh, các sở quản lý ngành, UBND cấp huyện chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá tại địa phương, gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân kê khai giá trên địa bàn địa phương.”

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh.

3. Bãi bỏ Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 09/8/2016 của UBND tỉnh về việc quy định về bổ sung mặt hàng cát xây, cát tô vào danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá và Thông báo số 172/TB-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh về việc bổ sung danh sách đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *LM NB*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV UBND tỉnh;
- TT Công báo; TT Tin học;
- Lưu: VT, K7. *LM*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC SỐ 01

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2016/QĐ-UBND
ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh)



- 1 Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut.
- 2 Điện bán lẻ.
- 3 Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
- 4 Phân đạm urê; phân NPK.
- 5 Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ.
- 6 Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.
- 7 Muối ăn.
- 8 Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
- 9 Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện.
- 10 Thóc, gạo tẻ thường.
- 11 Thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

PHỤ LỤC SỐ 02

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 85 /2016/QĐ-UBND
ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh)



1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định của Bộ Tài chính

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

h) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

[Handwritten signature]

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá theo quy định của UBND tỉnh

- a) Đá xay nghiền;
- b) Cát xây, cát tô;
- c) Dịch vụ khắc dấu tròn;
- d) Giá dịch vụ đấu giá.



LM